

Bản án số: **55/2022/HNGĐ - ST**

Ngày: 26-5-2022

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Tâm – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2022/TLST- HNGĐ, ngày 06 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXX - ST ngày 09 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Lan H, sinh năm 1995 (Vắng mặt, có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã BA, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Phạm Tuấn A, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 10, xã BA, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị Lan H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phạm Tuấn A tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện B, tỉnh Bình Phước vào ngày 30/10/2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên những năm sau đó vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm. Mâu thuẫn ngày càng

trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Chị H và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Tuấn A để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị H và anh Tuấn A có 01 người con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 16/02/2014, nay ly hôn Chị H đồng ý giao cháu V cho anh Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị H và anh Tuấn A không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình Tòa án thụ lý vụ án, nguyên đơn Chị H cung cấp các tài liệu, chứng cứ gồm: Bản chính giấy đăng ký kết hôn; bản sao chứng minh nhân dân của Chị H; bản sao hộ khẩu gia đình Chị H, anh Tuấn A; bản sao giấy khai sinh của cháu V. Ngoài ra, Chị H không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì.

Bị đơn anh Phạm Tuấn A mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa nguyên đơn Chị H và bị đơn anh Tuấn A đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã có đơn xin giải quyết vắng mặt; Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định cho bị đơn tuy nhiên bị đơn vẫn vắng mặt, do đó đề nghị xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Thị Lan H, về con chung giao Phạm Quốc V, sinh ngày 16/02/2014 cho anh Phạm Tuấn A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Việt đủ 18 tuổi.

Về vấn đề cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của Chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí sơ thẩm nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Phần thủ tục tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của Chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Phạm Tuấn A. Hiện nay bị đơn đang cư trú tại xã BA, huyện B, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

Đối với việc giải quyết vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn: Hội đồng xét xử thấy rằng quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên anh Anh vẫn vắng mặt không có lý do; đối với Chị H quá trình giải quyết vụ án Chị H đã có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Lan H và anh Phạm Tuấn A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã BA, huyện B, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn số 111/2013 ngày 30/10/2013 đã được Chị H cung cấp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa Chị H và anh Anh là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Theo trình bày của Chị H thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cãi vã nên Chị H và anh Tuấn A đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Xét thấy việc mâu thuẫn vợ chồng như Chị H trình bày là phù hợp với lời trình bày của bà Phạm Thị Hương, là mẹ của anh Phạm Tuấn A. Do đó, mâu thuẫn gia đình giữa Chị H và anh Tuấn A là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận nguyện vọng muốn ly hôn của Chị H.

[4] Về con chung: Chị H và anh Tuấn A có 01 người con chung là cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 16/02/2014. Xét thấy, cháu V hiện đang do anh Anh trực tiếp nuôi dưỡng. Qua làm việc thì cháu V có nguyện vọng được sống với anh Tuấn A và Chị H cũng đồng ý giao cháu V cho anh Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của Chị H, giao Việt cho anh Tuấn A trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo luật định.

[8] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Lan H về việc ly hôn. Chị H được ly hôn với anh Phạm Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 16/02/2014 cho anh Phạm Tuấn A trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi Việt đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Phạm Quốc V, sinh ngày 16/02/2014 số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng là hằng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 26/5/2022).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu toà án giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000377 ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, Chị H còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Bom Bo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào